

ĐẠI HỌC KINH TẾ TP. HỒ CHÍ MINH**Biểu 12-GDDH**

Ban hành theo Thông tư số

24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018

của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT

MỤC II: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN

Kỳ năm học

(Có đến 31 tháng 12 năm báo cáo)

Nguồn: Hemis - 06-02-2026

II	Cán bộ quản lý, Giảng viên, Nhân viên	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Trong đó					
					Phân loại			Nữ	Dân tộc thiểu số	
					Viên chức		Hợp đồng lao động		Tổng số	Nữ
					HD làm việc không xác định thời hạn	HD làm việc xác định thời hạn				
	A	B	C	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số	Người	105	1.156	726	40	390	562	14	7
2.1	Cán bộ quản lý	Người	106	3	3	0	0	1	0	0
	Chia ra									
	- Hiệu trưởng	Người	107	1	1	0	0	1	0	0
	- Phó hiệu trưởng	Người	108	2	2	0	0	0	0	0
	Trong đó:									
	- Giáo sư	Người	109	0	0	0	0	0	0	0
	- Phó giáo sư	Người	110	1	1	0	0	0	0	0
	- Kiêm nhiệm giảng dạy	Người	111	3	3	0	0	1	0	0
	Chia theo trình độ đào tạo									
	- Đại học	Người	112	0	0	0	0	0	0	0
	- Thạc sĩ	Người	113	0	0	0	0	0	0	0
	- Tiến sĩ và TSKH	Người	114	3	3	0	0	1	0	0
	- Khác	Người	115	0	0	0	0	0	0	0
2.2	Cán bộ hành chính, nghiệp vụ	Người	116	301	202	8	91	160	1	1
	Trong đó									
	- Giáo sư	Người	117	4	4	0	0	0	0	0
	- Phó giáo sư	Người	118	5	5	0	0	1	0	0
	- Kiêm nhiệm giảng dạy	Người	119	238	192	4	42	125	1	1
	Chia theo trình độ đào tạo									
	- Cao đẳng	Người	120	0	0	0	0	0	0	0
	- Đại học	Người	121	131	69	5	57	75	1	1
	- Thạc sĩ	Người	122	138	113	3	22	78	0	0
	- Tiến sĩ và TSKH	Người	123	31	19	0	12	6	0	0

	- Khác	Người	124	1	1	0	0	1	0	0
2.3	Nhân viên	Người	125	105	44	2	59	40	0	0
	Trong đó									
	- Nhân viên thư viện	Người	126	11	6	0	5	9	0	0
	- Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	Người	127	0	0	0	0	0	0	0
	- Nhân viên y tế	Người	128	5	4	1	0	5	0	0
	- Nhân viên khác hoặc kiêm nhiệm nhiều việc	Người	129	89	34	1	54	26	0	0
2.4	Giảng viên cơ hữu	Người	130	747	477	30	240	361	13	6
	Trong đó:									
	- Giáo sư	Người	131	23	4	0	19	6	0	0
	- Phó giáo sư	Người	132	89	70	0	19	38	0	0
	Chia theo trình độ đào tạo									
	- Đại học	Người	133	19	3	14	2	13	0	0
	- Thạc sĩ	Người	134	264	177	10	77	151	5	3
	- Tiến sĩ và TSKH	Người	135	464	297	6	161	197	8	3
	- Khác	Người	136	0	0	0	0	0	0	0
	Chia theo chức danh nghề									
	- Giảng viên cao cấp (hạng I)	Người	137	89	75	0	14	38	0	0
	- Giảng viên chính (hạng II)	Người	138	128	90	1	37	56	1	0
	- Giảng viên (hạng III)	Người	139	512	310	15	187	255	12	6
	- Trợ giảng	Người	140	18	2	14	2	12	0	0
	Chia theo độ tuổi									
	- <30 tuổi	Người	141	45	8	20	17	33	1	0
	- Từ 30 - 39 tuổi	Người	142	233	153	5	75	127	9	6
	- Từ 40 - 49 tuổi	Người	143	263	196	5	62	130	3	0
	- Từ 50 - 54 tuổi	Người	144	64	42	0	22	24	0	0
	- Từ 55 - 59 tuổi	Người	145	59	35	0	24	21	0	0
	- ≥ 60 tuổi	Người	146	83	43	0	40	26	0	0
	Giảng viên nghỉ hưu trong năm học	Người	147	3	3	0	0	1	0	0
	Giảng viên tuyển mới trong năm học	Người	148	151	5	12	134	70	4	3
2.5	Giảng viên thỉnh giảng	Người	149	86	0	0	86	16	1	0
	Trong đó:									
	- Giáo sư	Người	150	1	0	0	1	1	0	0
	- Phó giáo sư	Người	151	15	0	0	15	3	0	0
	Chia theo trình độ đào tạo									
	- Đại học	Người	152	0	0	0	0	0	0	0
	- Thạc sĩ	Người	153	29	0	0	29	5	0	0
	- Tiến sĩ và TSKH	Người	154	57	0	0	57	11	1	0
	- Khác	Người	155	0	0	0	0	0	0	0
	Chia theo chức danh nghề									
	- Giảng viên cao cấp (hạng I)	Người	156	9	0	0	9	2	0	0

- Giảng viên chính (hạng II)	Người	157	2	0	0	2	1	0	0
- Giảng viên (hạng III)	Người	158	69	0	0	69	12	1	0
- Các chức danh nghề nghiệp khác	Người	159	5	0	0	5	0	0	0
Chia theo độ tuổi									
- <30 tuổi	Người	160	2	0	0	2	0	0	0
- Từ 30 - 39 tuổi	Người	161	18	0	0	18	4	0	0
- Từ 40 - 49 tuổi	Người	162	29	0	0	29	5	1	0
- Từ 50 - 59 tuổi	Người	163	18	0	0	18	4	0	0
- ≥ 60 tuổi	Người	164	19	0	0	19	3	0	0